**MỘT SỐ CĂN DẶN VỚI HỌC SINH VÀ PHỤ HUYNH**

**\* ĐỐI VỚI HỌC SINH**

1/ Phần **nội dung bài học các em chép vào tập** ghi trên lớp còn phần **bài tập củng cố hoặc bài tập bổ sung các em làm vào vở bài tập.**

2/ Khi học bài các em cần **xem và đọc nội dung bài học, câu hỏi trong SGK**.

3/ Hàng ngày, các em đều **phải học ít nhất là 1 bài mới và làm bài tập** đầy đủ. Nếu có thắc mắc, không hiểu bài các em có **thể liên hệ với giáo viên bộ môn** để nhờ giải đáp.

4/ Đề cương các em **phải bảo quản cẩn thận** để khi đi học lại sử dụng ôn thi cuối năm.

**\* ĐỐI VỚI PHỤ HUYNH**

1/ Phụ huynh cấn phối hợp chặt chẽ với nhà trường, GVCN, GVBM để báo cáo tình hình học tập và làm bài của các em.

2/ Phụ huynh thường xuyên nhắc nhở các em học bài, làm bài tập và chép bài đầy đủ.

3/ Mọi thắc mắc về bài học phụ huynh liên hệ ngay với GVBM hoặc GVCN để được hỗ trợ.

**MÔN NGỮ VĂN**

**NGẮM TRĂNG**

Tự học có hướng dẫn: **ĐI ĐƯỜNG**

*- Hồ Chí Minh –*

**A. NỘI DUNG BÀI HỌC** (Các em học bài nhớ kết hợp với việc theo dõi SGK)

**I. Tìm hiểu chung:**

***1. Tác giả ( Học sinh ôn lại kiến thức đã học về tác giả đã học ở lớp 7)***

***2. Tác phẩm :***

***-*** Hoàn cảnh sáng tác bài thơ: Trong nhà tù của Tưởng Giới Thạch (Trung Quốc)

***-*** Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt

***-*** PTBĐ: Miêu tả kết hợp biểu cảm.

- Bố cục: Hai phần:

+ P1: Hai câu đầu: Tâm trạng của nhà thơ chuẩn bị đón trăng.

+ P2: Cảnh ngắm trăng.

**II. Tìm hiểu văn bản**

***1. Tâm trạng của nhà thơ chuẩn bị đón trăng.***

 ***“Trong tù không rượu cũng không hoa***

 ***Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ”***

- Hoàn cảnh ngắm trăng của Bác: Trong tù, không rượu, không hoa.

- Bác chỉ nhắc thiếu hoa, rượu để đón nhận đêm trăng đẹp với tư cách của một thi nhân.

**->Tâm trạng**: Bối rối, xúc động, xốn xang rất nghệ sĩ.

***2. Cảnh ngắm trăng của Bác.***

***“Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ***

***Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ”***

- Người đã chủ động đón trăng bằng tấm lòng.

- Nghệ thuật:

+ Nhân hoá: Trăng **nhòm**…**ngắm**...

+ Đối: *Nhân.......nguyệt. Nguyệt.....thi gia.*

-> Mối quan hệ giữa Người với trăng là bạn bè -> Hai cái đẹp giao hoà trở thành bạn tâm giao, tri kỉ.

- Sự vượt ngục về tinh thần của Bác- Người tù Cách mạng.

=> Tâm hồn nghệ sĩ nhạy cảm, chan hoà, yêu thiên nhiên, phong thái ung dung.

**III. Tổng kết:**

***1. Nghệ thuật****:*

- Thể thơ tứ tuyệt giản dị.

***-*** Phong cách thơ trữ tình bằng chữ Hán: vừa có màu sắc cổ điển vừa mang tinh thần thời đại.

- Sử dụng phép đối, phép nhân hóa.

***2. Nội dung:*** Thấy được tình yêu thiên nhiên đến say mê và phong thái ung dung của Bác Hồ ngay cả trong cảnh ngục tù tối tăm gian khổ.

**\*) Ghi nhớ: SGK**

**…………………………………..**

**VĂN BẢN : ĐI ĐƯỜNG** (Tự học có hướng dẫn)

 **Hồ Chí Minh**

**I. Tìm hiểu chung**

 ***- Hoàn cảnh sáng tác***: Trên đường bị giải đi đến nhà lao khác.

***- Thể thơ*:** Thất ngôn tứ tuyệt

**II. Tìm hiểu văn bản**

***Câu 1*** : Nỗi gian lao của người đi đường - > ý chủ đạo

Câu thơ vừa có ý nghĩa thực vừa có ý nghĩa sâu xa.

***Câu 2*** :

- Điệp ngữ -> nhấn mạnh nỗi gian lao vất vả của con đường đời, con đường cách mạng.

***Câu 3 :***

Trải qua nhiều khó khăn vất vả, người đi đường đến đích thắng lợi.

-> Câu thơ có hàm ý sâu sắc.

***Câu 4*** : Niềm vui sướng đặc biệt, bất ngờ của người vượt qua được khó khăn, vất vả -> niềm hạnh phúc của người cách mạng khi đã giành được thắng lợi.

**III. Tổng kết**

**1. Nghệ thuật:**

- Thể thơ tứ tuyệt hàm xúc.

- Bài thơ có hai lớp nghĩa:

 + Nghĩa đen : Con đường đi

 + Nghĩa bóng : Con đường Cách Mạng

**2. Nội dung:**

***\* Ghi nhớ: SGK***

**B. CÂU HỎI CỦNG CỐ**

**Câu 1**: Học thuộc phần phiên âm+ Dịch thơ; học thuộc ghi nhớ (nội dung+ nghệ thuật)

**Câu 2**: Qua hai bài thơ, em nhận thấy Bác Hồ là người như thế nào?

**Câu 3**: Trong thơ của Bác có nhiều bài viết về trăng, em hãy tìm và chép vào tập (ít nhất 3 bài)

&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&

**Tiếng Việt**

**Tiết 86**

**CÂU CẢM THÁN**

**A NỘI DUNG BÀI HỌC** (Các em học bài nhớ kết hợp với việc theo dõi SGK)

**I. Đặc điểm hình thức và chức năng:**

**1. Xét ví dụ:**

a. Hỡi ơi lão Hạc! -> Cảm xúc xót xa của tác giả.

b. Than ôi! -> Cảm xúc tiếc nuối.

=> Câu cảm thán

\***Lưu ý: Những từ ngữ cảm thán: *ôi, than ôi, hỡi ơi, chao ôi, trời ơi,*…có thể tự tạo thành một câu đặc biệt mà cũng có thể là một thành phần biệt lập trong câu và thường đứng ở đầu câu.**

 **- Ví dụ: + *Chao ôi*! (câu đặc biệt)**

 **+ *Chao ôi*, ba tháng hè sao mà dài như một thế kỉ. (thành phần biệt lập trong câu)**

**2. Ghi nhớ (SGK)**

VD: **Trời ạ**..! Mưa lớn quá!

\* Sơ đồ kiến thức cần nhớ

**Câu cảm thán**

5

**Chức năng**

**Hình thức**

**Kết thúc bằng dấu chấm than**

**Có từ ngữ cảm thán**

**Dùng trong giao tiếp và văn chương**

**Bộc lộ trực tiếp cảm xúc**

**II. Luyện tập**

**Bài tập 1+2+3+4** (sgk trang 44-45): HS tự làm

**Bài 1**: Học thuộc lòng ghi nhớ sgk/t44

**Bài 2:** Viết đoạn văn chủ đề về học tập( khoảng 10 câu), trong đó chỉ rõ 1 câu nghi vấn, 1 câu cầu khiến.

***B. CÂU HỎI CỦNG CỐ ( Kiểm tra 15 phút -> Hoàn thành vở vào tập)***

**Đề bài**

***Câu 1(2 điểm):*** Thế nào là câu cầu khiến? Cho hai VD minh hoạ.

***Câu 2(4 điểm):***Cho biết chức năng và đặc điểm hình thức của các câu cầu khiến sau:

 - Đem chia đồ chơi ra đi!

 - Anh cởi áo ra, em vá lại cho.

 - Hãy cùng nhau hành động: “Một ngày không sử dụng bao bì ni lông”.

 - Ông đừng băn khoăn nữa.

***Câu 3(4 điểm):***Đặt bốn câu cầu khiến với bốn chức năng: bộc lộ cảm xúc, khuyên bảo, đề nghị, ra lệnh.

&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&

**VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 5**

**(Viết thành bài văn hoàn chỉnh các đề đã cho và hướng dẫn vào trong tập buổi 2)**

**&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&**

**Tiếng Việt**

**Tiết 89**

**CÂU TRẦN THUẬT**

**A.NỘI DUNG BÀI HỌC**( Các em học bài nhớ kết hợp với việc theo dõi SGK)

**I. Đặc điểm hình thức và chức năng**

- Đọc kỹ đoạn trích và câu hỏi trong SGK(45-46)

***1. Xét ví dụ:***

\* Ví dụ 1

- Câu 1, 2: Bày tỏ suy nghĩ của người viết về truyền thống của dân tộc.

- Câu 3: Yêu cầu chúng ta ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc.

\* Ví dụ 2

- Câu 1: Dùng để kể

- Câu 2: Thông báo

\* Ví dụ 3

 Dùng để miêu tả hình thức của một người đàn ông.

\* Ví dụ 4

 - Câu 2: Dùng nhận định

 - Câu 3: Dùng để bộc lộ cảm xúc

=> Câu trần thuật

***2. Ghi nhớ.***

 Câu trần thuật:

- Hình thức:

+ Không có đặc điểm hình thức của các câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán.

+ Khi viết kết thúc bằng dấu chấm, đôi khi dấu chấm than hoặc dấu chấm lửng.

- Chức năng chính: Để kể, nhận định, thông báo, miêu tả, ngoài ra dùng để yêu cầu, đề nghị, bộc lộ cảm xúc.

- Kiểu câu cơ bản, phổ biến nhất.

**II. Luyện tập**

**Bài tập 1; 2; 3; 4; 5; 6 (sgk/ 46+47) : HS tự làm**

**Hướng dẫn bài tập 2**

- Kiểu câu: Phần dịch nghĩa là kiểu câu nghi vấn giống với kiểu câu trong nguyên tác.

- Dịch thơ là một câu trần thuật.

- Ý nghĩa: Khác nhau về kiểu câu nhưng cùng diẽn tả một ý nghĩa. Đêm trăng đẹp đã gây xúc động cho nhà thơ.

**B. BÀI TẬP BỔ SUNG**

 **Viết một đoạn văn về chủ đề bảo vệ môi trường (khoảng 10- 15 câu), trong đó chỉ rõ 2 câu trần thuật.**

**&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&**

**Văn bản:**

**Tiết 90**

[**遷**](https://hvdic.thivien.net/whv/%E9%81%B7)[**都**](https://hvdic.thivien.net/whv/%E9%83%BD)[**詔**](https://hvdic.thivien.net/whv/%E8%A9%94)

**(Thiên đô chiếu)**

**CHIẾU DỜI ĐÔ**

 **- Lí Công Uẩn –**

**Phần phiên âm:(Phần phiên âm này HS chỉ đọc tham khảo, không cần chép)**

***Thiên đô chiếu***

*Tích Thương gia chí Bàn Canh ngũ thiên, Chu thất đãi Thành Vương tam tỉ. Khởi Tam Đại chi sổ quân tuẫn vu kỷ tư, vọng tự thiên tỉ. Dĩ kỳ đồ đại trạch trung, vi ức vạn thế tử tôn chi kế; thượng cẩn thiên mệnh, hạ nhân dân chí, cẩu hữu tiện triếp cải. Cố quốc tộ diên trường, phong tục phú phụ. Nhi Đinh Lê nhị gia, nãi tuẫn kỷ tư, hốt thiên mệnh, võng đạo Thương Chu chi tích, thường an quyết ấp vu tư, trí thế đại phất trường, toán số đoản xúc, bách tính hao tổn, vạn vật thất nghi.*

*Trẫm thậm thống chi, bất đắc bất tỉ.
Huống Cao Vương cố đô Đại La thành, trạch thiên địa khu vực chi trung; đắc long bàn hổ cứ chi thế. Chính Nam Bắc Đông Tây chi vị; tiện giang sơn hướng bội chi nghi. Kỳ địa quảng nhi thản bình, quyết thổ cao nhi sảng khải. Dân cư miệt hôn điếm chi khốn; vạn vật cực phồn phụ chi phong. Biến lãm Việt bang, tư vi thắng địa. Thành tứ phương bức thấu chi yếu hội; vi vạn thế đế vương chi thượng đô.
Trẫm dục nhân thử địa lợi dĩ định quyết cư, khanh đẳng như hà?*

**A.NỘI DUNG BÀI HỌC** ( Các em học bài nhớ kết hợp với việc theo dõi SGK)

 **I. Tìm hiểu chung**

***1. Tác giả:***

- Tức Lí Thái Tổ (974- 1028)

- Người châu Cổ Pháp, lộ Bắc Giang (nay thuộc Từ Sơn- Bắc Ninh)

- Ông thông minh, tài giỏi, nhân ái, có chí lớn

- Là vị vua đầu, là người sáng lập nên triều Lí (1009-1225)

***2. Tác phẩm***

- Hoàn cảnh sáng tác: Viết vào năm 1010 bày tỏ ý định dời đô từ Hoa Lư ra thành Đại La.

- Thể loại: chiếu (thuộc kiểu văn bản nghị luận)

+ Viết bằng chữ Hán

- PTBĐ: Nghị luận

- Bố cục

+ Phần 1 : từ đầu...*không thể dời đổi*

-> Lý do dời đô

+ Phần 2: tiếp...*muôn đời.*

-> Lý do chọn thành Đại La làm kinh đô

 + Phần 3: còn lại

-> Ban chiếu dời đô

- Sự cần thiết phải dời đô từ Hoa Lư về Đại La.

**II. Tìm hiểu văn bản**

***1. Cơ sở lịch sử và thực tiễn của việc dời đô:***

a. Cơ sở lịch sử.

- Việc dẫn sử sách Trung Quốc:

+ Nhà Thương năm lần

+ Nhà Chu ba lần dời đô

**-> Khiến cho vận nước lâu dài, phong tục phồn thịnh**

**-> Đưa ra các số liệu cụ thể, suy luận chặt chẽ để làm tiền đề tiền cho luận điểm (Chúng ta nên noi gương).**

b. Cơ sở thực tiễn ở nước ta.

- Dẫn chứng: triều Đinh, Lê không dời đô là phạm sai lầm lớn

**-> Bày tỏ sự đau xót, thái độ phê phán**

**=> Dời đô là hết sức cần thiết**

***2. Đại La xứng đáng kinh đô***

- Vị trí địa lí: ở nơi trung tâm đất trời, mở ra bốn hướng, có núi, có sông, đất rộng mà bằng phẳng, cao mà thoáng, tránh được nạn lụt lội, chật chội

- Vị thế chính trị, văn hoá: Là đầu mối giao lưu của bốn phương, là mảnh đất hưng thịnh

**-> Đại La có đủ mọi điều kiện trở thành kinh đô.**

***3. Ban chiếu dời đô***

- Câu 1: Nêu rõ khát vọng, mục đích của nhà vua.

- Câu 2: Hỏi ý kiến của quần thần.

-> Cách kết thúc mang tính chất đối thoại, trao đổi, tạo sự đồng cảm giữa mệnh lệnh của vua với thần dân

=> Thuyết phục người nghe bằng lí lẽ chặt chẽ và tình cảm chân thành: **Thể hiện khát vọng của nhân dân về một đất nước độc lập, tự chủ, phản ánh ý chí tự cường của dân tộc.**

**III. Tổng kết:**

***1. Nghệ thuật:***

- Lập luận chặt chẽ:

+ Nêu sử sách làm tiền đề

+ Soi tiền đề vào thực tế hai triều đại Đinh, Lê

+ Kết luận: Đại La xứng đáng là kinh đô

- Kết hợp hài hoà giữa nghị luận và biểu cảm

***2. Nội dung:***

 Thể hiện khát vọng của nhân dân về một đất nước độc lập, tự chủ, phản ánh ý chí tự cường của dân tộc.

***\* Ghi nhớ (SGK)***

**B. CÂU HỎI CỦNG CỐ**

**Câu 1:** Học thuộc phần nội dung và nghệ thuật (Ghi nhớ) của văn bản?

**Câu 2:** Nêu khái niệm và đặc điểm về thể chiếu?

**Câu 3: Vì sao nói: “*Chiếu dời đô*” ra đời phản ánh ý chí độc lập tự cường và sự phát triển lớn mạnh của dân tộc Đại Việt? (Chọn đáp án đúng)**

A. Chứng tỏ triều đình nhà Lí đủ sức chấm dứt nạn phong kiến cát cứ.

B. Thế và lực của nhân dân Đại Việt đủ sức sánh ngang hàng với phương Bắc.

C. Phê phán nhà Đinh- Lê không làm theo sử sách xưa, không tuân theo mệnh trời

D. Thể hiện ý chí nguyện vọng của nhân dân thu giang sơn về một mối và xây dựng đất nước độc lập tự cường.

**Câu 4:** Chứng minh “ Chiếu dời đô” có sức thuyết phục lớn bởi có sự kết hợp giữa lí và tình? ( Câu 4- sgk/51)

**Kiểm tra 15 phút**

**Câu 1**: Chép thuộc phần phiên âm và dịch thơ bài *Ngắm trăng* (4 điểm)

**Câu 2**: Nêu nội dung và nghệ thuật của bài. (3 điểm)

**Câu 3:** Tìm 1 một số câu thơ nói về trăng của Bác? (3 điểm)

**CÂU PHỦ ĐỊNH**

**A. NỘI DUNG BÀI HỌC** (Các em học bài nhớ kết hợp với việc theo dõi SGK)

**I. Đặc điểm hình thức và chức năng**

**1. Ví dụ** (Sgk/52)

**2. Nhận xét:**

*\*. Ví dụ 1*:

a. Nam đi Huế.

-> không chứa từ ngữ phủ định (khẳng định việc “*Nam đi Huế”* là có diễn ra.)

b. Nam không đi Huế.

c. Nam chưa đi Huế.

d. Nam chẳng đi Huế.

 -> Có chứa các từ ngữ phủ định: *không, chưa, chẳng .(* phủ định việc “*Nam đi Huế*” là không diễn ra. Nghĩa là xác nhận không có một sự vật, sự việc,tính chất, quan hệ nào đó.)

 => Câu phủ định miêu tả

 **VD:** - Anh ta *không* có ở đây.

 - Bạn A *chưa* làm bài tập môn Ngữ văn.

*\* Ví dụ 2*

- Không phải, nó chần chẫn như cái đòn càn.

- Đâu có!

-> Có chứa từ ngữ phủ định: *không phải, đâu có* (Cụ thể: thâỳ sờ ngà phản bác lại ý kiến của thầy sờ vòi, thầy sờ tai phản bác lại ý kiến của thầy sờ ngà. Nghĩa là phản bác lại 1 ý kiến, nhận định trước đó)

 => Câu phủ định bác bỏ

 **VD:** Nam: - Tối qua cậu đi xem phim phải không?

 Lan: - *Đâu có*, tớ ở nhà ôn bài cả tối mà.

**3. Kết luận**

Ghi nhớ/ Sgk/53

**II. LUYỆN TẬP** (Bài tập Sgk/ 53-54)

**Bài tập 1:** HS tự làm

**Bài tập 2: Gợi ý:**

- Cả ba câu đều là câu phủ định (vì chứa từ ngữ phủ định) nhưng mang ý nghĩa khẳng định. (vì sử dụng cấu trúc phủ định của phủ định hay một từ phủ định kết hợp với một từ nghi vấn)

- Đặt câu không có từ ngữ phủ định nhưng ý nghĩa tương đương:

+ *Câu chuyện có lẽ chỉ là một câu chuyện hoang đường, song có ý nghĩa nhất định.*

*+ Tháng tám, hồng ngọc đỏ, hồng hạc vàng, ai cũng từng ăn trong Tết trung thu, ăn nó như ăn cả mùa thu vào lòng vào dạ.*

*+ Từng qua thời thơ ấu ở Hà Nội, ai cũng có một lần nghển cổ nhìn lên tán lá cao vút mà ngắm nghía môt cách ước ao chùm sấu non xanh hay thích thú chia nhau nhấm nháp món sấu dầm bán trước cổng trường.*

-> Các câu khẳng định có ý nghĩa tương tương thường ít có sức thuyết phục hơn.

**Bài tập 3:** Gợi ý:

Nếu thay “*không*” bằng “*chưa*” thì câu văn sẽ thành: “*Choắt chưa dậy được, nằm thoi thóp”.* Và ý nghĩa của câu cũng thay đổi*:*

*- Không* (dậy được) có nghĩa là vĩnh viễn không dậy được nữa.( phủ định tuyệt đối)

*- Chưa* (dậy được) có nghĩa là sau đó có thể dậy được. (phủ định tương đối)

-> Câu văn của Tô Hoài phù hợp với mạch của câu chuyện hơn. Vì sau khi bị chị Cốc mổ, Dế Choắt nằm thoi thóp không dậy được nữa và chết.

**Bài tập 4**

**Gợi ý:** Các câu trên đều không phải là câu phủ định nhưng được dùng để biểu thị ý phủ định ( phủ định bác bỏ: phản bác ý kiến, nhận định trước đó)

**Bài tập 5:** HS tự làm

**B. CÂU HỎI CỦNG CỐ**

 **Hãy lập bảng thống kê các kiểu câu đã học theo mẫu sau:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Kiểu câu*** | ***Chức năng*** | ***Hình thức*** |
| ***........................*** | ***..............................*** | ***.......................................*** |

&&&&&&&&&&&&&&&&&&&

**Văn bản**

**Tiết 92-93**

**HỊCH TƯỚNG SĨ**

**A. NỘI DUNG BÀI HỌC**( Các em học bài nhớ kết hợp với việc theo dõi SGK)

**I.TÌM HIỂU CHUNG**

1. **Tác giả:**
* Trần Quốc Tuấn (1231-1300), tước Hưng Đạo Vương.
* Là một danh tướng kiệt xuất của dân tộc, có công lớn trong hai cuộc kháng chiến chống quân Mông-Nguyên xâm lược (1285 và 1287).
* Ông được nhân dân tôn là “*Đức Thánh Trần*” và lập đền thờ ở nhiều nơi.
1. **Tác phẩm**
2. **Đọc – chú thích**
3. **Hoàn cảnh ra đời**: Hịch tướng sĩ có tên chữ Hán là *Dụ chư tì tướng hịch văn* công bố tháng 2/1284 tại bến Đông Bộ Đầu ( Thăng Long), trước cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên lần thứ hai (1285).
4. **Thể loại**: *Hịch*: là thể văn nghị luận thời xưa, thường do vua chúa, tướng lĩnh hoặc thủ lĩnh dung để thuyết phục, cổ động, hoặc kêu gọi đấu tranh chống thù trong giặc ngoài. Hịch thường có kết cấu chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, dẫn chứng thuyết phục. Hịch thường được viết theo thể văn biền ngẫu. **(Văn biền ngẫu là thể văn có nguồn gốc từ Trung Quốc, trong đó lấy đối làm nguyên tắc cơ bản, tạo sự cân đối nhịp nhàng cho lời văn. Văn biền ngẫu có 5 đặc điểm chính: 1 là các câu văn song đôi đối nhau theo từng cặp; 2 là kiểu câu chỉnh tề (câu 4 đối với câu 4, câu 6 đối với câu 6); 3 là có vần điệu hài hòa; 4 là sử dụng điển cố; 5 là từ ngữ bóng bảy, khoa trương. Các em tự tìm hiểu thêm nhé)**
5. **Bố cục**: 4 phần

- Phần 1: *Từ đầu -> còn lưu tiếng tốt*: Nêu những gương trung thần nghĩa sĩ trong sử sách để khích lệ ý chí lập công danh, xả thân vì nước.

- Phần 2: *Tiếp -> cũng vui lòng*: Lột tả sự ngang ngược và tội ác của kẻ thù đồng thời nói lên lòng căm thù giặc.

- Phần 3: *Tiếp -> không muốn vui vẻ phỏng có được không?:* Phân tích phải trái, làm rõ đúng, sai.

- Phần 4: *Còn lại*: Nêu nhiệm vụ cấp bách, khích lệ tinh thần chiến đấu.

**e. Đại ý:** Là áng văn nghị luận xuất sắc do chủ tướng Trần Quốc Tuấn viết nhằm thuyết phục tướng sĩ học tập Binh thư yếu lược, khích lệ lòng yêu nước, căm thù giặc của các tướng sĩ thời Trần.

**II. TÌM HIỂU VĂN BẢN**

1. **Nêu gương trung thần nghĩa sĩ**

- Xưa: Kỉ Tín, Do Vu, Dự Nhượng, Thân Khoái, Kính Đức, Cảo Khanh, …

- Nay: Vương Công Kiên, Cốt Đãi Ngột Lang…

-> Đây là những tấm gương trung thần nghĩa sĩ, sẵn sàng hi sinh quên mình vì nước, vì chủ.

***=> Khích lệ lòng trung quân, ái quốc của các tướng sĩ thời Trần*.**

**2. Sự ngang ngược, tội ác của giặc và nỗi lòng của người chủ tướng**

***a. Sự ngang ngược, tội ác của giặc và tình hình đất nước hiện tại***

- Hình ảnh sứ giặc:

+ Đi lại nghênh ngang ngoài đường

+ Uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình

+ Đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ

+ Thác mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa, giả hiệu Vân Nam Vương mà thu bạc vàng…

-> Nghệ thuật: ẩn dụ, từ ngữ giàu hình ảnh, giọng văn mỉa mai, hình thức đối ngẫu (A mà B)…

-> Thấy được sự hống hách, ngang ngược, tham lam vô lối của sứ giặc.

- Tình hình đất nước: “ Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói”

-> So sánh

-> Tình thế đất nước nguy kịch.

***=> Khơi gợi lòng căm thù giặc và lòng tự tôn dân tộc.***

**b. Nỗi lòng của người chủ tướng**

- “ Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa.”

-> Hình ảnh ẩn dụ, so sánh: thể hiện tâm trạng đau đớn đến tột độ, lo lắng đến mức quên ăn, mất ngủ.

- “ chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù”

-> động từ mạnh, thành ngữ: thể hiện lòng căm thù giặc sục sôi

-“ Dẫu cho trăm thân này … , ta cũng vui lòng”

-> Nghệ thuật phóng đại, điển cố, lối văn biền ngẫu: thể hiện ý chí quyết chiến, sẵn sàng hi sinh.

***=> Lòng yêu nước, căm thù giặc, tinh thần sẵn sàng hi sinh vì nghĩa lớn.***

**3. Phân tích phải trái – làm rõ đúng sai.**

**a. Nhắc đến mối thân tình giữa chủ và tướng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Các ngươi** | **Cùng ta** |
|  không có ***mặc*** | thì ta ***cho áo*** |
|  không có ***ăn*** | thì ta ***cho cơm*** |
| quan ***nhỏ*** | thì ta ***thăng chức*** |
| lương***ít*** | thì ta ***cấp bổng*** |
| đi ***thủy*** | thì ta ***cho thuyền*** |
| đi ***bộ*** | thì ta ***cho ngựa*** |
| cùng ***sống chết*** | cùng ***vui cười*** |

**->** câu văn biền ngẫu nhiều ý, hai vế song hành, điệp cấu trúc câu

-> cách đối xử chu đáo, hậu hĩnh -> mối quan hệ chủ - tướng gắn bó khăng khít

***=> Nhắc nhở, khích lệ ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi người đối với đạo vua tôi, tình huynh đệ.***

**b. Phê phán những biểu hiện sai trái**

***\* Việc làm sai trái***

**-** thấy chủ nhục -> không biết lo

- thấy nước nhục -> không biết thẹn

- hầu quân giặc -> không biết tức

- nghe nhạc, đãi yến giặc -> không biết căm

- vui chọi gà, cờ bạc, ham săn bắn, thích rượu ngon, mê tiếng hát…

- vui thú ruộng vườn, quyến luyến vợ con…

-> Nghệ thuật: câu văn biền ngẫu nhiều ý, hai vế song hành, điệp cấu trúc câu.

=> Phê phán dứt khoát, thẳng thắn thái độ sống bàng quan, thờ ơ, ăn chơi nhàn rỗi, chỉ lo vun vén bản thân. Phê phán lối sống cầu an, hưởng lạc, quên hết danh dự, bổn phận, mất cảnh giác.

***\* Hậu quả***

**-** “ cựa gà trống … các ngươi muốn vui vẻ, phỏng có được không?” (Sgk/57)

-> Cấu trúc câu đối xứng, đối lập, điệp ngữ, điệp cấu trúc

=> Cảnh báo bức tranh thảm họa, nỗi đau đớn nhục nhã khi nước mất nhà tan.

**c. Những hành động nên làm của các tướng sĩ**

***\* Những việc nên làm***

- Luôn luôn cảnh giác “nên nhớ câu … làm răn sợ”

- Huấn luyện quân sĩ, tập dượt cung tên

***\* Kết quả***

***-*** “ chẳng những thái ấp của ta … các ngươi không muốn vui vẻ, phỏng có được không?” (Sgk/58)

-> Cấu trúc câu đối xứng, điệp ngữ, điệp cấu trúc, câu văn mang tính khẳng định.

-> Vẽ ra một bức tranh đất nước đẹp đẽ nhằm khích lệ cao nhất ý chí và quyết tâm của tướng sĩ.

**4. Nhiệm vụ cấp bách cần làm, khích lệ tướng sĩ**

- Học tập Binh thư yếu lược

- Vạch ra hai con đường sống – chết, vinh – nhục để tướng sĩ thấy rõ và chỉ có thể lựa chọn môt con đường: địch hoặc ta.

-> Lập luận sắc bén, thái độ cương quyết, dứt khoát.

=> Thể hiện quyết tâm chiến đấu và chiến thắng kẻ thù.

**III. TỔNG KẾT**

**1. Nghệ thuật**

- Lập luận sắc bén, lí lẽ, dẫn chứng xác thực, đầy thuyết phục.

- Sử dụng lối văn biền ngẫu, giọng văn hung tráng.

- Kết hợp chặt chẽ giữa yếu tố chính luận và văn chương.

**2. Nội dung**

Phản ánh tinh thần yêu nước nồng nàn của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, thể hiện qua lòng căm thù giặc , ý chí quyết chiến quyết thắng kẻ thù xâm lược.

**B. CÂU HỎI CỦNG CỐ**

**Câu 1:** Học thuộc lòng đoạn: “*Ta thường tới bữa quên ăn … , ta cũng vui lòng*.”

**Câu 2**: Nắm được nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

**Câu 3**: Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện nội dung của bài Hịch tướng sĩ.

**Câu 4**: So sánh điểm giống nhau và khác nhau giữa hịch và chiếu.

Gợi ý:

 - Giống nhau:

 + Thuộc thể văn nghị luận trung đại

 + Thường do vua chúa, tướng lĩnh sử dụng.

 + thường sử dụng lối văn biền ngẫu, có kết cấu chặt chẽ, lập luận sắc bén, thuyết phục.

 + Đều là những văn bản đề cập đến những việc quan trọng, to lớn, có ảnh hưởng lớn đến quốc gia, xã tắc.

- Khác nhau:

 + Chiếu: dùng để bạn bố mệnh lệnh hoặc kêu gọi mọi người nghe theo một chủ trương, chính sách nào đó.

 + Hịch: dùng để cổ động, thuyết phục hoặc kêu gọi đấu tranh chống thù trong giặc

ngoài.

**Câu 5**: Bài tập 1/Sgk trang 61.

**Câu 6** : Bài tập 2/Sgk trang 61.

Gợi ý :

**A. Mở bài:**

            – Giới thiệu bài “Hịch tướng sĩ” của Trần Quốc Tuấn.

            – Giới thiệu đặc điểm nghệ thuật bài hịch: vừa có lập luận chặt chẽ, sắc bén vừa giàu hình tượng, cảm xúc.

**B. Thân bài:**

LĐ 1. Nêu đặc điểm chung của thể hịch.

LĐ 2. Chứng minh bài “Hịch tướng sĩ” có lập luận chặt chẽ, sắc bén:

a. Bài hịch có trình tự và bố cục lập luận logic, phù hợp với tâm lí tiếp nhận.

            – Nêu bố cục của bài hịch gồm 4 phần.

            –> Tác dụng của cách bố cục đó: tác động vào nhiều mặt trong nhận thức và tình cảm của tướng sĩ.

            + Khích lệ ý chí lập công danh, tinh thần xả thân vì nước.

            + Khích lệ lòng trung quân ái quốc và ân nghĩa thuỷ chung.

            + Khích lệ lòng tự trọng, liêm sỉ ở mỗi người,…

            + Cuối cùng là khích lệ tinh thần yêu nước, quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược.

b. Cách lập luận phong phú và linh hoạt. Ở mỗi phần, tác giả trình bày luận điểm khác nhau.

            – Ở phần đầu, tác giả nêu những tấm gương trung nghĩa để khích lệ lòng tự trọng và ý chí lập công danh ở tướng sĩ.

            – Ở phần hai, tác giả dùng những dẫn chứng thực tế để tố cáo sự ngang ngược và tội ác của kẻ thù, sau đó trực tiếp bày tỏ nỗi lòng của mình để khơi gợi nỗi nhục mất nước và lòng căm thù giặc.

            – Ở phần ba, tác giả đưa ra những lời phê phán nghiêm khắc thái độ bàng quan, cầu an hưởng lạc của tướng sĩ và chỉ ra hậu quả của nó. Sau khi chỉ ra cái sai, tác giả mới ôn tồn khuyên bảo những điều tướng sĩ nên làm và chỉ ra kết quả tốt đẹp của nó. Hai đoạn văn được trình bày theo lối tương phản có tác dụng giúp cho tướng sĩ nhận rõ đúng – sai.

            – Ở phần cuối, tác giả vạch rõ ranh giới giữa hai con đường đúng – sai, chính – tà, ta – địch. Lời kết luận hô ứng chặt chẽ với lời mở đầu, hoàn chỉnh lập luận và xoáy mạnh vào mục đích nghị luận của bài hịch: thức tỉnh lòng yêu nước, căm thù giặc và tinh thần quyết chiến quyết thắng giặc ngoại xâm.

3. Chứng minh bài “Hịch tướng sĩ” giàu hình tượng và cảm xúc.

            – Hình tượng và cảm xúc của lời văn xuất phát từ tình cảm mãnh liệt của người viết: tấm lòng yêu thương tướng sĩ, muốn tướng sĩ đi theo con đường đúng đắn.

            – Đặc điểm này thể hiện trong toàn bài hịch, nhưng tập trung nhất ở phần hai, qua việc tố cáo tội ác và sự ngang ngược của kẻ thù:

            + Dùng hình ảnh ẩn dụ: *lưỡi cú diều, thân dê chó*.

            + Dùng hình ảnh tả thực: *đi lại nghênh ngang, sỉ mắng triều đình, bắt nạt tể phụ, đòi ngọc lụa, vét bạc vàng*…

            + Dùng biện pháp so sánh: *Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói,…*

            + Dùng nhiều vế ngắn liên tiếp: *tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa,.*.. như những đợt sóng lòng, chứa đầy tâm trạng.

            + Dùng nhiều hình ảnh khoa trương mà chân thành, giàu sức truyền cảm, khiến cho một đoạn văn chính luận mà mang đậm chất trữ tình.

            – Giọng văn phong phú đa dạng, bộc lộ nhiều sắc thái, cung bậc tâm trạng, làm nên sức truyền cảm mạnh mẽ.

            + Khi ngợi ca những tấm gương trung nghĩa, giọng văn sảng khoái hào hùng.

            + Khi tâm tình gan ruột, giọng văn sâu lắng mà sôi sục, thống thiết.

            + Khi phê phán hành động hưởng lạc, thái độ bàng quan của tướng sĩ, giọng văn vừa chân tình vừa nghiêm khắc, lúc sỉ mắng thẳng thừng (*không biết lo, không biết thẹn, không biết tức, không biết căm*), lúc mỉa mai, chế giễu (*cựa gà trống không thể đâm thủng áo giáp của giặc, mẹo cờ bạc không thể dùng làm mưu lược nhà binh, chén rượu ngon không thể làm cho giặc say chết, tiếng hát hay không thể làm cho giặc điếc tai,..*.)

            + Khi khuyên bảo điều đúng nên làm, giọng văn ôn tồn thân mật.

**c. Kết bài:** Khẳng định ý nghĩa nghệ thuật của tác phẩm: là một áng văn bất hủ, là một mẫu mực về văn nghị luận trung đại.

&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&

Tiếng Việt:

**Tiết 94**

**HÀNH ĐỘNG NÓI**

**A. NỘI DUNG BÀI HỌC** ( Các em học bài nhớ kết hợp với việc theo dõi SGK)

**I. Hành động nói là gì?**

***1. Ví dụ***

(Sgk/62)

***2. Nhận xét***

a. Mục đích: muốn đuổi Thạch Sanh đi để cướp công

Câu thể hiện: “*Thôi, bây giờ nhân trời chưa sáng em hãy trốn ngay đi.”*

b. Lí Thông đã đạt được mục đích. Vì sau khi nghe Lí Thông nói, Thạch Sanh vội từ giã mẹ con Lí Thông ra đi.

c. Lí Thông đã đạt được mục đích bằng lời nói.

d. Việc làm của Lí Thông là một hành động vì nó là việc làm có mục đích.

-> Hành động của Lí Thông là một hành động nói.

***3. Kết luận (****Ghi nhớ /SGK/62)*

 Hành động nói là hành động được thực hiện bằng lời nói nhằm mục đích nhất định.

* *Lưu ý*: Khi thực hiện hành động nói có thể đạt được mục đích mà cũng có thể không.

**II. Một số kiểu hành động nói thường gặp**

1. ***Ví dụ***

a.Ví dụ 1 (SGK-62.): xác định mục đích của các hành động nói:

- Con trăn ấy là của nhà vua nuôi đã lâu trình bày.

- Nay em giết nó, tất không khỏi bị tội chết . đe dọa.

- Thôi, bây giờ nhân trời chưa sáng em hãy trốn ngay đi cầu khiến , yêu cầu.

- Có chuyện gì để anh ở nhà lo liệu . hứa hẹn.

b.Ví dụ 2 (SGK-63 ): Xác định mục đích của các hành động nói:

 - Vậy thì bữa sau con ăn ở đâu? Hỏi

 - Con sẽ ăn ở nhà cụ Nghị thôn Đoài. Trình bày, thông báo.

 - U nhất định bán con đấy ư? Hỏi

 - U không cho con ở nhà nữa ư? Hỏi

 - Khốn nạn thân con thế này? Trời ơi! bộc lộ cảm xúc

=> Người ta dựa theo mục đích của hành động nói mà đặt tên cho nó. Những kiểu hành động nói thường gặp là hỏi, trình bày (báo tin, kể, tả, nêu ý kiến, dự đoán,…), điều khiển (cầu khiến, đe dọa, thách thức…), hứa hẹn, bộc lộ cảm xúc.

**3. Kết luận:** Ghi nhớ /Sgk/63

**III. LUYỆN TẬP ( Bài tập SGK trang63-64-65)**

**Bài 1**

**Gợi ý**: Trần Quốc Tuấn viết Hịch tướng sĩ nhằm mục đích khích lệ tướng sĩ học tập Binh thư yếu lược và khích lệ lòng yêu nước của tướng sĩ.

HS tự lấy ví dụ trong văn bản.

**Bài 2**: HS tự làm

**Bài 3:**

**Gợi ý:**

Anh phải hứa với em không bao giờ để chúng ngồi cách xa nhau.

->Hành động điều khiển

Anh hứa đi.

-> Hành động điều khiển

Anh xin hứa.

 -> Hành động hứa.

 => Như vậy, không phải câu nào có từ “hứa” cũng dùng để thực hiện hành động hứa. Hành động hứa chỉ được thực hiện khi khi người nói câu hứa đó phải thuộc ngôi thứ nhất.

**B. BÀI TẬP BỔ SUNG**

**1. Bài tập 1:** Xác định kiểu hành động nói trong đoạn hội thoại sau:

Mai - Cô giáo nhắc cả lớp mình chiều nay đi lao động nhé.

Lan: - Mấy giờ ?

Mai: - 14 giờ.

**2.Bài tập 2**

 Viết một đoạn văn ngắn (chủ đề tự chọn) trong đó có sử dụng các kiểu hành động nói đã học.

&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&

**Tập làm văn:**

**Tiết 96**

**ÔN TẬP VỀ LUẬN ĐIỂM**

**A.NỘI DUNG BÀI HỌC** (Các em học bài nhớ kết hợp với việc theo dõi SGK)

**I. Khái niệm luận điểm**

**1. Khái niệm:**

Luận điểm là những tư tưởng, quan điểm, chủ trương mà ngưới viết (nói) nêu ra trong bài văn nghị luận.

**2. Ví dụ**

**a. VD 1 (Skg/73-2b):** Các luận điểm trong văn bản “Chiếu dời đô”

- Xác định hệ thống luận điểm như vậy là chưa đúng vì đó không phải là ý kiến, tư tưởng, quan điểm mà chỉ là những vấn đề.

**b. VD 2 (Skg/73-2a):** Văn bản: “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta” gồm hệ thống luận điểm:

- Luận điểm 1: dân ta có một truyền thống yêu nước nồng nàn

 -> Luận điểm xuất phát

- Luận điểm 2: Tinh thần yêu nước trong lịch sử

- Luận điểm 3: Tinh thần yêu nước trong cuộc sống hiện nay.

 -> Luận điểm mở rộng

- Luận điểm 4: Nhiệm vụ, bổn phận của chúng ta.

 -> Luận điểm kết luận

-> Trong đó + Luận điểm 1,2,3: luận điểm phụ

 + Luận điểm 4: luận điểm chính

 Như vậy: Trong bài văn nghị luận, luận điểm là một hệ thống gồm có luận điểm chính và luận điểm phụ.

**II. Mối quan hệ giữa luận điểm với vấn đề cần giải quyết trong bài văn nghị luận**

**1. Ví dụ (Sgk/73-74)**

**a. Văn bản: Tinh thần yêu nước của nhân dân ta**

- Vấn đề nghị luận: “Nhân dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta”

- Nếu chỉ đưa ra luận điểm: “Đồng bào ta ngày nay có lòng yêu nước nồng nàn” thì không đủ làm sáng tỏ vấn đề nghị luận trên vì phải chứng minh được tinh thần yêu nước ở nhiều thời kì thì mới thấy được tính truyền thống của tinh thần này.

**b. Văn bản: Chiếu dời đô**

- Nếu Lí Công Uẩn chỉ đưa ra luận điểm: “Các triều đại trước đây đã nhiều lần thay đổi kinh đô” thì không đạt được mục đích ban đầu khi ban chiếu vì nó không đủ để làm sáng tỏ vấn đề, không đủ để thuyết phục ngưới nghe.(Liên hệ lại bài Chiếu dời đô)

**2. Kết luận**

 Trong văn nghị luận, luận điểm cần phải phù hợp với yêu cầu giải quyết vấn đề và phải đủ để làm sáng tỏ toàn bộ vấn đề.

**III. Mối quan hệ giữa các luận điểm trong bài văn nghị luận**

**1. Ví dụ (Sgk/74)**

Đề: “ Hãy trình bày rõ vì sao chúng ta phải đổi mới phương pháp học tập”

- Trong hai hệ thống luận điểm thì chọn hệ thống (1) vì đạt được những yêu cầu đề ra.

=> Hệ thống luận điểm cần chính xác và gắn bó chặt chẽ với nhau.

(Lưu ý các em: hệ thống (2) không đạt yêu cầu vì có những luận điểm chưa chính xác ( không thể chỉ đổi mới phương pháp là kết quả học tập sẽ được nâng cao; cũng k thể đòi hỏi thường xuyên đổi mới cách học nếu k có lí do chính đáng), cũng có luận điểm chưa phù hợp với vấn đề( chưa chăm học và nói chuyện riêng đều không phải khuyết điểm về phương pháp học tập). Vì chưa chính xác nên luận điểm (a) không thể làm cơ sở để dẫn tới luận điểm (b). Bởi không bàn về phương pháp học tập nên luận điểm (c) không liên kết với các luận điểm còn lại. Do đó, luận điểm (d) cũng không kế thừa và phát huy được kết quả của 3 luận điểm a, b, c trước đó.Như vậy thì hệ thống luận điểm này không thể thông suốt để làm sáng tỏ vấn đề nghị luận được)

**2. Những yêu cầu đối với luận điểm và mối quan hệ giữa các luận điểm trong bài văn nghị luận**

- Chính xác, rõ ràng

- Vừa có sự liên kết chặt chẽ, vừa có sự phân biệt với nhau để không bị trùng lặp, chồng chéo.

- Phải được sắp xếp theo một trình tự hợp lí.

**\* Ghi nhớ / Sgk/ 75**

 **IV. Luyện tập ( Bài tập/ Sgk/75-76)**

**1. Bài tập 1**: HS tự làm

**2. Bài tập 2:**

**Gợi ý**: Các luận điểm được lựa chọn phải có nội dung chính xác và phù hợp với ý nghĩa của vấn đề nghị luận : “giáo dục là chìa khóa của tương lai”( hiểu theo nghĩa: giáo dục góp phần mở ra tương lai cho loài người trên Trái Đất). Lưu ý không chon những luận điểm không có mối liên hệ chặt chẽ với nội dung cơ bản của bài văn (VD: Nước ta có truyền thống giáo dục lâu đời).Sau đó sắp xếp theo trình tự hợp lí để triển khai.

VD:

- Giáo dục là yếu tố quyết định đến việc ddieuf chỉnh tốc độ gia tăng dân số; thông qua đó quyết định môi trường sống, mức sống…trong tương lai.

- Giáo dục trang bị kiến thức và nhân cách, trí tuệ và tâm hồn cho trẻ em hôm nay, nhưng người sẽ làm nên thế giới ngày mai.

- Do đó, giáo dục là chìa khóa cho sự tăng trưởng kinh tế trong tương lai.

- Cũng do đó, giáo dục là chìa khóa cho sự phát triển chính trị và tiến bộ của xã hội sau này.

**B.BÀI TẬP BỔ SUNG**

**1. Bài tập 1**: Triển khai các ý ở Bài tập 2 trong Sgk/75-76 thành một đoạn văn hoàn chỉnh.

**2. Bài tập 2**: Tìm và sắp xếp các luận điểm trong bài Chiếu dời đô thành sơ đồ hệ thống luận điểm.

**3. Bài tập 3**: Cho vấn đề nghị luận: “Suy nghĩ của em về tác hại của trò chơi điện tử đối với học sinh hiện nay”. Em hãy xây dựng một hệ thống luận điểm để làm sáng tỏ vấn đề trên.

***Văn bản:***

**Tiết 97**

**NƯỚC ĐẠI VIỆT TA**

**(Trích Bình ngô đại cáo)**

 **- Nguyễn Trãi –**

**A.NỘI DUNG BÀI HỌC**  (Các em học bài nhớ kết hợp với việc theo dõi SGK)

**I/ Tìm hiểu chung**

**1/Tác giả:**

**-** Nguyễn Trãi (1380- 1442 ), hiệu là Ức Trai, Quê Hải Dương, sống chủ yếu ở Thường Tín – Hà Nội.

- Vị anh hùng dân tộc toàn đức toàn tài hiếm có trong lịch sử dân tộc.

- Nhà chính trị, nhà quân sự, nhà ngoại giao, nhà văn, nhà thơ kiệt xuất, danh nhân văn hoá thế giới.

- Để lại cho đời một sự nghiệp văn chương đồ sộ với nhiều tác phẩm nổi tiếng như Ức Trai thi tập, Quân trung từ mệnh tập, Bình Ngô đại cáo…

 **2. Tác phẩm**

**a. Hoàn cảnh sáng tác:** Bài cáo được công bố ngày 17/ 12/ Đinh Mùi (tức đầu năm 1428), sau khi quân ta đại thắng giặc Minh.

**b.Thể loại : Cáo**

**- Cáo**: thể văn nghi luận cổ, thường được vua chúa dùng để trình bày chủ trương hay công bố kết quả một sự nghiệp để mọi người cùng biết.

+ Đặc điểm: viết bằng văn biền ngẫu (có vần hoặc không có vần, nhưng thường có đối), giống như hịch, cáo là thể văn có tính chất hùng biện nên lời lẽ đanh thép, lí luận sắc bén, kết cấu chặt chẽ mạch lạc.

**- Bình Ngô đại cáo :** gồm 4 phần lớn như kết cấu chung của thể cáo:

+ Nêu luận đề chính nghĩa.

+ Lập bảng cáo trạng tội ác của giặc Minh.

+ Phản ánh quá trình cuộc khởi nghĩa Lam Sơn từ ngày đầu gian khổ đến khi tổng phản công dành thắng lợi.

+ Lời tuyên bố kết thúc, khẳng định nền độc lập vững chắc của dân tộc và nêu lên bài học lịch sử.

**- Giải thích nhan đề:** Bình Ngô đại cáo

- Bình: là bình định với nghĩa là dẹp tan xong giặc giã.

- Ngô: là tên nước Đông Ngô thời Tam quốc (Thế kỉ 3, từng sang xâm chiếm nước ta) cũng là quê hương của Minh Thái tổ Chu Nguyên Chương, lúc đầu xưng là Ngô Quốc Công-> Ngô là chỉ giặc Minh, giặc phương Bắc nói chung.

- Đại cáo: tuyên cáo rộng rãi về việc dẹp yên giặc Ngô

-> Bình Ngô đại cáo: có nghĩa là một bản tuyên bố với thiên hạ việc quân ta đánh bại quân Ngô (Minh) .

**=> Bình Ngô đại cáo được xem là bản tuyên ngôn độc lập thứ 2 của dân** **tộc** (sau Nam quốc sơn hà của Lí Thường Kiệt)

**- Vị trí đoạn trích** : Nước Đại Việt ta là phần đầu của bài cáo.

**c. Bố cục:**

- Phần 1 ( 2 câu đầu): Tư tưởng nhân nghĩa.

- Phần 2 (8 câu tiếp theo): Các yếu tố khẳng định chủ quyền của dân tộc Đại Việt.
- Phần 3(6 câu còn lại): Chứng minh từ thực tiễn để làm sáng tỏ chân lí đã nêu.

**d. Đại ý**: Đoạn trích có hai nội dung chính là tư tưởng nhân nghĩa và chân lí về chủ quyền độc lập của dân tộc.

**II. Tìm hiểu văn bản**

**1/ Tư tưởng nhân nghĩa**

**- Nhân nghĩa** : là khái niệm đạo đức của Nho giáo được hiểu chung là lòng thương người, là đạo lí, lẽ phải cần phải làm trong quan hệ giữa người với người. (chữ **nhân** có nội dung rất rộng nhưng cốt lõi của **nhân** là lòng thương người là sự tương thân, tương ái giữa người với người. Đối với vua chúa **nhân** là trọng dân, đối với dân phải khoan hoà, nhân ái, không được thực hiện chính sách hà khắc bạo ngược với dân. **Nghĩa** là điều phải nên làm.

- Cũng dùng khái niệm **nhân nghĩa** nhưng cốt lõicủa tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là: yên dân - trừ bạo

**+ Yên dân** là làm cho dân được yên ổn, an hưởng thái bình.

**+ Trừ bạo**: trừ diệt mọi thế lực tàn bạo.

***-> Nhân nghĩa là thương dân, lo cho dân sống yên ổn và đánh kẻ có tội.***

**=> Như vậy tư tưởng nhân nghĩa gắn liền với tư tưởng yêu nước chống giặc ngoại xâm.**

 **2/ Chân lí về chủ quyền độc lập dân tộc**

- Những yếu tố căn bản để xác định độc lập chủ quyền của dân tộc:

+ Văn hiến lâu đời

+ Lãnh thổ riêng

+ Phong tục tập quán

+ Truyền thống lịch sử ( Triệu, Đinh, Lí,Trần - sánh vai với Hán, Đường, Tống Nguyên)

+ Hoàng đế riêng (mỗi bên xưng đế một phương )

+ Anh hùng hào kiệt

-> NT: so sánh (ta với Trung Quốc, ta đặt ngang hàng với Trung Quốc về trình độ chính trị, tổ chức chế độ, quản lí quốc gia)

***=> Đại Việt là một nước độc lập có lãnh thổ riêng, có nền văn hoá riêng, phong tục tập quán riêng có lịch sử riêng, hoàng đế riêng cùng sánh vai với các triều đại phong kiến phương Bắc.***

***=> Quan niệm hoàn chỉnh về quốc gia, dân tộc - Bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc.***

**3. Những dẫn chứng trong thực tế**

- Lưu Cung …thất bại

- Triệu Tiết – tiêu vong

- Toa Đô - bắt sống

- Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã

-> Nghệ thuật: Câu văn biền ngẫu, hai vế sóng đôi, đối xứng tạo nên sự cân đối nhịp nhàng, giọng văn sang sảng niềm tự hào về truyền thống đấu tranh vẻ vang của dân tộc.

***=> Nổi bật lên sự thất bại thảm hại của kẻ thù và ca ngợi chiến thắng hào hùng của ta.***

***=> Khẳng định sức mạnh của tư tưởng nhân nghĩa và chủ quyền độc lập của dân tộc.***

**III/ Tổng kết/Ghi nhớ (sgk)**

**1/ Nghệ thuật:**

Sử dụng câu văn biền ngẫu cân xứng nhịp nhàng, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng hùng hồn.

***2/ Nội dung:*** Nước ta là đất nước có nền văn hiến lâu đời, có lãnh thổ riêng, phong tục riêng, có chủ quyền, có truyền thống lịch sử, kẻ xâm lược là phản nhân nghĩa nhất định sẽ thất bại.

**B. CÂU HỎI CỦNG CỐ**

**Câu 1:** Học thuộc lòng bài thơ, học thuộc ghi nhớ trong sgk/t69

**Câu 2**: Lập sơ đồ khái quát trình tự lập luận của đoạn trích?

**Câu 3:** Trên cơ sở so sánh với bài thơ “Sông núi nước Nam” của Lý Thường Kiệt, em hãy chỉ ra sự tiếp nối và phát triển của ý thức dân tộc trong đoạn trích “Nước Đại Việt ta” của Nguyễn Trãi? ( Gợi ý: các em hãy tìm hiểu điểm giống và khác nhau của 2 văn bản)

&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&

**Tiếng việt:**

**Tiết 98**

**HÀNH ĐỘNG NÓI (tiếp theo)**

**A. NỘI DUNG BÀI HỌC** ( Các em học bài nhớ kết hợp với việc theo dõi SGK)

**I/. Cách thực hiện hành động nói**

1. **Ví dụ: sgk/t 70**
2. **Nhận xét**

- Về hình thức: 5 câu trên đều là câu trần thuật, kết thúc bằng dấu chấm

- Về mục đích nói : có sự khác nhau

+ Câu 1, 2, 3: mục đích là trình bày

+ Câu 4,5: mục đích là cầu khiến

- Hành động nói tương ứng:

+ Câu 1, 2, 3: trình bày

+ Câu 4,5: cầu khiến

- Câu trần thuật thực hiện hành động nói là trình bày đó là cách dùng trực tiếp

- Câu trần thuật thực hiện hành động nói là cầu khiến đó là cách dùng gián tiếp

=> Có 2 cách thực hiện hành động nói: trực tiếp và gián tiếp

**3. Ghi nhớ**: sgk/t71

**\*Hành động nói và các kiểu câu tương ứng**

|  |  |
| --- | --- |
| Hành động nói  | Kiểu câu  |
| Trình bày (kể, tả, giới thiệu, nhận xét, đánh giá, báo cáo, dự báo…)  | Câu trần thuật (kiểu câu chính), câu cầu khiến, câu cảm thán, câu nghi vấn. |
| Hỏi (hỏi, đề nghị, bộc lộ cảm xúc…) | Câu nghi vấn (kiểu câu chính), câu trần thuật, câu cầu khiến, câu cảm thán.  |
| Điều khiển (yêu cầu, ra lệnh, đề nghị, khuyên nhủ…) | Câu cầu khiến (kiểu câu chính), câu cảm thán, câu trần thuật, câu cầu khiến |
| Hứa hẹn (hứa, bảo đảm, đe dọa…) | Câu trần thuật (kiểu câu chính), câu cầu khiến, câu cảm thán |
| Bộc lộ cảm xúc (cảm ơn, xin lỗi, than phiền…)  | Câu cảm thán, (kiểu câu chính), câu nghi vấn, câu trần thuật, câu cầu khiến.  |

**II. Luyện tập:** Các em vận dụng kiến thức của bài học để giải quyết bài tập trong SGK/T 71-72-73

**Gợi ý**

**Câu 1: sgk/t71**

- “ Từ xưa…không có?”: Hỏi để khẳng định

- “ Lúc bấy…muốn vui vẻ…không?:Hỏi để phủ định

- “Lúc bấy…không muốn vui vẻ…không?”: Hỏi để khẳng định

- “Vì sao vậy?”: Hỏi để giải thích

- “Nếu vậy…đất nữa?”: Hỏi để phủ định

\* Những câu nghi vấn ở cuối đoạn dùng để khẳng định ( hoặc phủ định) điều được nêu ra.

\* Những câu nghi vấn mở đầu đoạn: nêu vấn đề cho tướng sĩ chuẩn bị tư tưởng đọc ( nghe) phần lí giải của tác giả

**Câu 2: sgk/t71-72**

\* Những câu trần thuật có mục đích cầu khiến: đoạn a và câu 2 đoạn b
\* Tác dụng: Bác dùng kiểu câu có mục đích cầu khiến để kêu gọi có tác dụng tạo sự gần gũi, giản dị( không có tính hô hào) như những lời tâm sự nhẹ nhàng thân thiết dễ đi vào lòng người…
**Câu 3.4.5 : Các em làm vào tập**

**B. BÀI TẬP CỦNG CỐ**

**Câu 1:** Học thuộc ghi nhớ trong sgk/t71

**Câu 2:** Hãy viết một đoạn đối thoại ngắn, chỉ ra kiểu hành động nói và cách thức thực hiện hành động nói ?

&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&&

**Tập làm văn:**

**Tiết 99**  **VIẾT ĐOẠN VĂN TRÌNH BÀY LUẬN ĐIỂM**

**A.NỘI DUNG BÀI HỌC**( Các em học bài nhớ kết hợp với việc theo dõi SGK)

**I. Trình bày luận điểm thành một đoạn văn nghị luận**

**1. Ví dụ:**

**\* VD 1: SGK/T79-80**

 a.

- Câu chủ đề: “Thật là…muôn đời”, nằm ở cuối đoạn

→ Đoạn văn quy nạp

b.

- Câu chủ đề: “Đồng bào…ngày trước”, đứng ở đầu đoạn

→ Đoạn diễn dịch

**\*Nhận xét:**

- Viết đoạn văn phải thể hiện rõ ràng, chích xác nội dung của luận điểm trong câu chủ đề.

- Câu chủ đề đứng đầu đoạn văn (diễn dịch)

- Câu chủ đề đứng cuối đoạn văn (qui nạp).

**\* VD 2: SGK/T80**

a**) - Luận điểm:** Ngô Tất Tố dàn dựng chi tiết vợ chồng Nghị Quế mua chó, để thể hiện bản chất chó đểu của giai cấp thống trị thực dân. “ cho thằng nhà giàu rước chó vào nhà, nó mới càng thể hiện bản chất chó đểu của giai cấp nó ra”

**- Lập luận:** Phép tương phản: (Vợ chồng Nghị Quế mua chó, thích chó , bù khú với nhau trên câu chuyện chó con >< giở giọng chó má với mẹ con chị Dậu) để làm sáng tỏ luận điểm: Thằng nhà giàu rước chó vào nhà nó mới càng hiện rõ bản chất chó đểu của g/c nó ra.

**- Câu chủ đề** cuối đoạn: “Cho thằng giàu...nó ra” ⇒ Nội dung luận điểm diễn đạt gọn, rõ ràng, lô gích. **Đoạn văn trình bày theo cách qui nạp.**

b) - Cách lập luận tương phản làm sáng tỏ luận điểm

- Các ý được sắp xếp theo một thứ tự hợp lí : Luận cứ (2) “Nghị Quế giở giọng chó má với mẹ con chị Dâu” đứng sau luận cứ (1) “vợ chồng địa chủ cũng yêu gia súc” là nhằm làm cho luận điểm “ bản chất chó đểu của giai cấp nó” không bị mờ nhạt đi mà nổi bật, tạo sức thuyết phục cho đoạn văn.

c) Trình tự lô gích của đoạn văn sẽ bị ảnh hưởng: không làm nổi bật được luận điểm vì (giở giọng chó má .... ) phải được sắp xếp liền kề luận điểm (bản chất chó đểu của giai cấp thống trị pk thực dân)

d) Cần đặt các chữ như : chuyện chó con, giọng chó má,.. cạnh nhau chính là cách thức để Nguyễn Tuân làm cho đoạn văn của mình xoáy vào một ý chung, vừa khiến bản chất thú vật của bọn địa chủ hiện ra thành hình ảnh rõét.

**\* Nhận xét :**

- Khi trình bày luận điểm : cần tìm đủ luận cứ cần thiết, tổ chức lập luận theo trình tự hợp lí để làm nổi bật luận điểm.

- Diễn đạt trong sáng, hấp dẫn, thuyết phục.

**2. Ghi nhớ: SGK/T 81**

**II. Luyện tập:**

**Bài 1, 2, 3 ( sgk/t81-82)** : HS tự làm.

**Bài 4 ( sgk/t82) .**

**Gợi ý**

Các luận cứ của luận điểm “ Văn giải thích....dễ hiểu” được sắp xếp:

- Văn giải thích được viết ra nhằm làm cho người đọc hiểu

- Giải thích càng khó hiểu thì người viết càng khó đạt được mục đích

- Ngược lại, giải thích càng dễ hiểu thì người đọc càng dễ lình hội, dễ nhớ, dễ làm theo.

- Vì thế, văn giải thích phải được viết sao cho dễ hiểu.

**B. BÀI TẬP CỦNG CỐ**

**Câu 1:** Học thuộc ghi nhớ trong sgk/t81

**Câu 2:** Từ các luận cứ đã được gợi ý ở bài tập 4 phía trên, em hãy viết thành đoạn văn trình bày luận điểm “ Văn giải thích cần phải viết cho dễ hiểu”?

**Tập làm văn**

**Tiết 100**

**LUYỆN TẬP XÂY DỰNG VÀ**

 **TRÌNH BÀY LUẬN ĐIỂM**

**A.NỘI DUNG BÀI HỌC:** ( Các em học bài nhớ kết hợp với việc theo dõi SGK)
**I. Chuẩn bị:**

 Đề bài: “Hãy viết một bài báo tường để khuyên một số bạn trong lớp cần phải học tập chăm chỉ hơn”. Lập dàn bài các luận điểm, luận cứ và dự kiến cách trình bày.

**\* Phân tích đề**

- Thể loại : văn nghị luận (về một vấn đề trong học tập).

- Nội dung : khuyên bạn học tập chăm chỉ.

- Hình thức : báo tường.

- Đối tượng tiếp nhận : bạn cùng lớp.

**\* Tự lập dàn ý để đối chiếu, hoàn thiện trong giờ luyện tập trên lớp.**

**II. Luyện tập:**

**1. Xây dựng hệ thống luận điểm:**

**a. Bài tập: Sgk-T83**

- Hệ thống luận điểm nêu ra chưa chính xác và chưa hợp lý.

- Loại bỏ luận điểm a → không phù hợp

**b. Nhận xét:**

- Sự sắp xếp luận điểm chưa hợp lí:

- Vị trí luận điểm (b) làm cho bài thiếu mạch lạc, luận điểm (d) không đứng trước (e).

- Sắp xếp lại như sau:

a. Một đất nước muốn sánh kịp với bạn bè năm châu, cần có những người tài giỏi.

b. Quanh ta có nhiều những tấm gương của các bạn HS đang phấn đấu để đáp ứng nhu cầu của đất nước.

c. Muốn học giỏi, muốn thành tài thì trước hết phải chăm.

d. Nhưng vẫn còn một số bạn trong lớp còn thích ham chơi, chưa chăm làm cha mẹ, thầy cô phiền lòng

e. Nếu bây giờ càng chơi bời, không chịu học bài thì sau này càng khó có được niềm vui trong cuộc sống

g. Vậy bây giờ các bạn nên ít vui chơi, chịu khó học hành chăm chỉ để trở thành người có ích cho c/s tìm được niềm vui chân chính, lâu bền.

**2. Trình bày luận điểm**

**a. Chọn câu văn giới thiệu luận điểm:**

a. Trong những câu được dẫn, câu (3) hay hơn cả vì thể hiện được tình cảm, cảm xúc (lòng mong muốn bạn tiến bộ) của người viết được bộc lộ rõ ràng, do đó hiệu quả thuyết phục sẽ cao hơn.b. Sắp xếp luận cứ:

b. Cách sắp xếp các luận cứ theo trình tự trong sách đã thể hiện tính lô-gíc, chặt chẽ :

Ba câu đầu là hệ thống lập luận theo hướng thuận:

- Câu (1) nêu một vấn đề về tương lai, trong đó trình độ khoa học – kỹ thuật và văn hoá - nghệ thuật ngày một nâng cao.

- Câu (2) xác định vai trò của tri thức trong xã hội đó.

- Câu (3) được suy ra từ câu (2) : muốn có tri thức thì phải chăm chỉ học tập.

- Câu (4) là một kết luận có tính tất yếu và giàu sức thuyết phục

→ phản ánh được quá trình làm rõ dần luận điểm bước trước, bước sau và bước sau kế tiếp bước trước.

c. Viết câu kết đoạn:

- Nếu các bạn cứ ham chơi mà lười học như vậy sau này tương lai mù mịt, cuộc sống vất vả thua kém bạn bè, lúc bấy giờ dẫu các bạn muốn vui vẻ phỏng có được không?

d.Đoạn văn trong SGK viết theo cách quy nạp

- Biến đổi đoạn văn quy nạp sang diễn dịch: Đưa câu chủ đề cuối đoạn lên đầu đoạn

**Vd:  *Người học sinh hôm nay ham chơi, không chăm học thì ngày mai càng khó có thể làm được việc gì đó có ý nghĩa và khó có được niềm vui trong cuộc sống.*** Muốn có niềm vui trong cuộc sống và trở thành người có ích thì các bạn phải chăm chỉ học tập ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường .Vì sau này lớn lên bạn sẽ sống trong thời đại mà trình độ khoa học- kĩ thuật và văn hoá-nghệ thuật ngày một nâng cao.Trong xã hội ấy, làm việc gì cũng cần phải có tri thức.

**3.Trình bày các luận điểm chủ yếu đã được chuẩn bị ở nhà.**

 **4.Với luận điểm "Đọc sách là công việc vô cùng bổ ích vì nó giúp ta hiểu biết thêm về đời sống",**

 Hs có thể viết đoạn văn theo những luận cứ sau :

- Sách là kho tàng tri thức khổng lồ của nhân loại. Sách cung cấp cho ta những tri thức về hầu hết các lĩnh vực của đời sống.

- Tiếp xúc với sách, con người có cơ hội tiếp xúc với toàn bộ kho tàng văn hoá của văn minh nhân loại. Đó là một phương tiện không gì thay thế được.

- Bởi vậy, đọc sách là công việc vô cùng bổ ích mà qua đó, con người có thể không ngừng làm giàu vốn tri thức của mình.

**B. CÂU HỎI CỦNG CỐ**

**Câu 1:**Em phải chuẩn bị trình bày trước lớp một bài nói (hoặc viết) về vấn đề : Làm thế nào để viết tốt một bài văn nghị luận ?

a) Hãy đánh dấu X bên cạnh những ý mà em thấy cần thiết phải trình bày trong bài ấy :

- Phải chịu khó tích luỹ những kiến thức đời sống và kiến thức văn học.

- Phải tích cực học tập tiếng Việt để có khả năng diễn đạt chính xác, rõ ràng, trong sáng.

- Phải thường xuyên luyện tập nêu luận điểm.

- Phải tìm đọc những bài văn nghị luận hay để học cách làm văn.

- Phải học thuộc lòng các bài văn mẫu.

- Phải thường xuyên luyện tập để vận dụng lí thuyết vào thực tế.

- Phải luyện tập cách lập luận : giải thích, chứng minh, quy nạp, diễn dịch,...

b) Sau đó, sắp xếp các ý cần thiết thành một hệ thống luận điểm hợp lí, gọn gàng, chặt chẽ.

**Gợi ý**

a) HS tự làm

b) Hệ thống luận điểm của bài văn phải tập trung vào các mặt :

- Tích luỹ kiến thức đời sống và văn học.

- Nắm vững lí thuyết làm văn.

- Thường xuyên luyện tập, thực hành

**Câu 2.** Cho 2 câu chủ đề dưới đây :

a) Muốn viết tốt một bài văn nghị luận, người làm bài trước hết phải nắm vững lí thuyết làm văn.

b) Tuy nhiên, để làm tốt một bài văn nghị luận, người học sinh còn cần phải thường xuyên luyện tập, thực hành.

 Theo em, đoạn văn có câu chủ đề (b) có thể nằm ngay sau đoạn văn có câu chủ đề (a) được hay không ? Vì sao ?

**Gợi ý:**

- Đoạn văn chứa câu chủ đề (b) có thể nằm ngay sau đoạn văn chứa câu chủ đề (a), khi ta xét thấy hai chủ đề ấy liên quan chặt chẽ với nhau, tiếp nối nhau, không thể tổn tại thiếu nhau. Không có điều kiện nêu tại (a) không thể thực hiện công việc nêu tại (b) ; ngược lại, nếu không hướng tới mục đích nêu tại (b) thì (a) trở nên không cần thiết, không còn ý nghĩa.

**Câu 3.**Viết một đoạn văn nghị luận (khoảng trên dưới 10 câu) để trình bày một trong các luận điểm đã nêu trong câu 1.

***Các em nhớ cố gắng học tập chăm chỉ! Chúc các em học tốt!***